

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ CÚ  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 22 - 6 - 2022  
“V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thạch Thuôn  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Sơn Thị Thiêng
2. Ông Võ Văn Đây

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Kim Thị Bô Na, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 65/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2022 về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2022/QĐXXST- HNGĐ, ngày 07 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Thạch Thị T, sinh năm 1981; nơi cư trú ấp M, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Ông Thạch Chane Th, sinh năm 1978; nơi cư trú ấp S, xã A, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2022 nguyên đơn bà Thạch Thị T trình bày: Do quen biết và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên bà và ông Thạch Chane Th có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú vào ngày 21/4/2003 đúng quy định của pháp luật. Thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Thạch Ngọc Th1, sinh ngày 28/9/2004 và Thạch Ngọc Tr, sinh ngày 29/11/2006. Quá trình chung sống vợ chồng không tạo lập được tài sản gì, cũng không có nợ chung. Tuy nhiên, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cự

cải do bất đồng quan điểm sống với nhau và đã sống ly thân với nhau từ đó đến nay mà không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay bà T nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông Thạch Chane Th không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Chane Th; về con chung bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị T và bị đơn ông Thạch Chane Th đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không lý do không thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Vào năm 2003, bà T và ông Th có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình chung sống có 02 người con tên Thạch Ngọc Th1, sinh ngày 28/9/2004 và Thạch Ngọc Tr, sinh ngày 29/11/2006 hiện nay đang sống chung với bà T. Sau khi kết hôn chung sống có hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nhiều vấn đề phát sinh, do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, dẫn đến trong cuộc sống hàng ngày không có được tiếng nói chung trong suy nghĩ với nhau, gia đình không đầm ấm, tình cảm vợ chồng rạn nứt, hôn nhân không có hạnh phúc. Nay bà T, ông Th đã sống ly thân với nhau nhiều năm không thể hàn gắn. Về tài sản chung và nợ chung khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận.

Từ những căn cứ trên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 373 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57 và 58 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thạch Thị T được ly hôn với ông Thạch Chane Th.

+ Về con chung: Giao 02 người con chung tên Thạch Ngọc Th1, sinh ngày 28/9/2004 và Thạch Ngọc Tr, sinh ngày 29/11/2006 cho bà Thạch Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng (điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 người con là Thạch Ngọc Th1 và Thạch Ngọc Tr). Bà Thạch Thị T tự nguyện không yêu cầu ông Thạch Chane Th cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp nên không đặt ra xem xét trong vụ án này.

+ Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét.

Về án phí phí hôn nhân và gia đình đề nghị buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện thì bà Thạch Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Thạch Chane Th và yêu cầu giải quyết về người trực tiếp nuôi con nên đây là vụ kiện “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ vào khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh; tại phiên tòa nguyên đơn bà Thạch Thị T và ông Thạch Chane Th đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Thạch Thị T và ông Thạch Chane Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị T và ông Thạch Chane Th tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú vào ngày 21/4/2003 đúng quy định của luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th là hợp pháp. Thời gian đầu ông, bà chung sống có hạnh phúc, có quan tâm chăm sóc lẫn nhau và thực hiện tốt nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Đến năm 2013 thì giữa bà T và ông Th đã xảy ra mâu thuẫn, cự cãi, mất niềm tin lẫn nhau và đã sống ly thân với nhau từ năm 2013 đến nay mà không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Nay phía bà T cho rằng tình trạng hôn nhân giữa bà và ông Th đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Th; phía ông Th mặc dù đã được Tòa án đã thông báo hợp lệ về yêu cầu khởi kiện của bà T cũng như đã được thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng ông Th đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ ông Th cũng không mong muốn hàn gắn lại với bà T; theo kết quả xác minh thì giữa bà T và ông Th đã xảy ra mâu thuẫn, cự cãi và sống ly thân với nhau từ năm 2013 đến nay mà không bên nào tạo điều kiện hàn gắn. Từ những căn cứ trên có cơ sở xác

định tình trạng hôn nhân giữa bà Thạch Thị T và ông Thạch Chane Th đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc bà Thạch Thị T yêu cầu ly hôn với ông Thạch Chane Th là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Thạch Thị T và ông Thạch Chane Th xác nhận có 02 người con chung tên Thạch Ngọc Th1, sinh ngày 28/9/2004 và Thạch Ngọc Tr, sinh ngày 29/11/2006. Hiện nay 02 người con của bà T và ông Th đều đã trên 07 tuổi, qua tiếp xúc thì 02 người con của bà T và ông Th đều có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với bà T. Do đó, việc bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 người con chung là phù hợp với nguyện vọng của con nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Bà Thạch Thị T và ông Thạch Chane Th thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Thạch Thị T và ông Thạch Chane Th xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Trong vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu theo quy định khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 57 và Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thạch Thị T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Thạch Thị T được ly hôn với ông Thạch Chane Th.

+ Về con chung: Giao 02 người con chung tên Thạch Ngọc Th1, sinh ngày 28/9/2004 và Thạch Ngọc Tr, sinh ngày 29/11/2006 cho bà Thạch Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng (điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của 02 người con là Thạch Ngọc Th1 và Thạch Ngọc Tr). Bà Thạch Thị T tự nguyện không yêu cầu ông Thạch Chane Th cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được quyền ngăn cản, đồng thời có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được chung sống với bên trực tiếp nuôi. Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai

bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

+ Về tài sản chung: Bà Thạch Thị T và ông Thạch Chane Th thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Bà Thạch Thị T và ông Thạch Chane Th xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc bà Thạch Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Nhưng được miễn trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Thạch Thị T đã nộp tạm ứng trước bằng 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009671 ngày 09/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh nên bà Thạch Thị T không phải nộp tiếp. Ông Thạch Chane Th không phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TA tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- UBND xã Lưu Nghiệp Anh, huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thạch Thuôn**